



CÔNG TÁC HÁN NÔM DƯỚI ÁNH SÁNG CHỦ NGHĨA MÁC



CÔNG TÁC HÁN NÔM DƯỚI ÁNH SÁNG CHỦ NGHĨA MÁC

TRẦN NGHĨA

I

Mác không có bất cứ một chuyên luận nào trực tiếp nói tới công tác bảo tồn và nghiên cứu thư tịch cổ. Nhưng trên con đường hoạt động khoa học gắn liền với cách mạng đầy sáng tạo của mình, Mác đã để lại cho ta không ít những mẫu mực tuyệt vời về cách nhìn, cách đánh giá, cách khai thác di sản thành văn của các thế hệ đã qua.

1) Hãy nói trước hết cách nhìn của Mác đối với kho tàng văn hóa nhân loại. Quá khứ, theo Mác, là một kho lưu trữ hết sức phong phú những kinh nghiệm kỳ quý về cả hai phương diện thất bại cũng như thành công của con người đối với bản thân, đối với xã hội, đối với thiên nhiên... Quá khứ không ngừng cung cấp cho ta những tư liệu và chủ đề cần thiết để thao khảo, suy tư, từ đó nảy ra những bài học bổ ích. Về điểm này, Ăng - ghen có nhận xét như sau: “Mác không những đặc biệt ham thích nghiên cứu quá khứ lịch sử nước Pháp mà còn theo dõi lịch sử đương thời

của nó trong tất cả những chi tiết, thu thập lấy những tài liệu để về sau cần phải dùng đến”(1). Chính vì vậy mà Mác đã qua tâm tới các nền văn hóa cổ ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường; luận văn tiến sĩ Sự khác nhau giữa triết học của Đêmocrit (Démocrite) và triết học tự nhiên của Epiquya (Epicure) có thể coi như một thử nghiệm sơ khởi trên đường nghiên cứu quá khứ. Các tác phẩm khoa học về sau của Mác, trong đó có bản Tuyên ngôn của Đảng cộng sản nổi tiếng và bộ Tư bản đầy trí tuệ, là bằng chứng về một quá trình lao động cần cù, căng thẳng để chưng cất và tiếp thu toàn bộ tinh hoa của tri thức loài người kể đến thời Mác, và nâng nó lên một tầm độ cao hơn. Thật đúng như Lênin nhận định: “Tất cả những cái đã được tư tưởng loài người sáng tạo ra, Mác đều sửa chữa nó lại và đã phê phán nó; và Mác đã rút ra được kết luận mà những kẻ bị giam hãm trong khuôn khổ tư sản hay những thành kiến tư sản không thể nào rút ra được”(2).

Chỗ hơn người ấy của Mác trong cách nhìn về giá trị và tiềm năng nền văn hóa quá khứ đã được Lênin, người học trò xuất sắc nhất hội lần thứ ba Đoàn thanh niên Cộng sản Nga ngày 02 tháng 10 năm 1920, Lênin nhấn mạnh: “Văn hóa vô sản không phải tự nhiên mà có, nó không phải do những người tự cho mình là nhà chuyên môn về văn hóa vô sản phát minh ra. Tất cả cái đó là hoàn toàn ngu ngốc. Văn hóa vô sản phải là sự phát triển lô gích của tổng số những kiến thức mà loài người đã tạo ra dưới ách thống

trị của xã hội tư bản, của xã hội bọn địa chủ, của xã hội quan liêu”(3). Lê nin còn nói thêm: “Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản sau khi đã làm giàu trí nhớ của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra”(4).

2) Không những coi trọng di sản văn hóa quá khứ của nhân loại, Mác còn đặc biệt quan tâm đến cách phân tích, đánh giá nó thế nào cho khách quan, chính xác, nhất là đối với một số nhân vật, tác phẩm, tác giả có vấn đề. ở đây, một lần nữa, ta lại bắt gặp những chỗ hơn người của Mác. Hãy lấy trường hợp của Mác đánh giá Lui Bônápactơ làm một trong số nhiều thí dụ.

Lui Bônápactơ (Charles Louis Napoléon Bonaparte, 1808 - 1873), như chúng ta biết, là cháu của Napôlêông Bônápactơ (Napoléon Bonaparte, 1769 - 1821). Hồi còn trẻ, do giở nhiều mưu mô thủ đoạn trong quân đội, Lui Bônápactơ đã bị trục xuất ra nước ngoài. Sau cách mạng tháng hai Pháp 1848, y trở về nước và đắc cử tổng thống “Đệ nhị Cộng hoà quốc”, dưới sự bảo trợ của giai cấp tư sản Pháp. Năm 1852, cũng với sự giúp đỡ của giai cấp tư sản, y phát động chính biến, phế bỏ chính thể Cộng hoà, khôi phục chính thể Quân chủ, tuyên bố đổi “Đệ nhị Cộng hoà quốc” thành “Đệ nhị Đế quốc”, và tự xưng làm “Hoàng Đế Nã Phá Luân tam thế” của nước Pháp.

Trong thời gian cầm quyền, y một mặt thi hành chính sách

đàn áp đối với trong nước và mặt khác phát động chiến tranh với nước ngoài, gây nhiều đau khổ cho nhân dân Pháp cũng như nhân dân Châu Âu.

Năm 1870, y lại phát động chiến tranh chống nước Phổ (Prussia), kết quả quân Pháp thua to, bản thân Lui Bônápactơ cũng bị bắt.

Cuộc đời đầy kịch tính trên đây của Lui Bônápactơ đã được nhiều cây bút tiếng tăm đương thời phác họa lại, trong đó đáng chú ý nhất là tác phẩm *Napôlêông nhỏ* của Vichto Huygô (Victor Hugo, 1802 - 1885) và tác phẩm *Cuộc chính biến* của Prudông (Proudhon, 1809 - 1865). Theo Mác thì Vichto Huygô chỉ biết xử mạ chua cay và châm biếm không tiếc lời người đã gây ra cuộc chính biến. Huygô thấy bản thân biến cố đó như là “một tiếng sét giữa bầu trời quang đãng”. Ông chỉ thấy trong đó “hành vi bạo nghịch của một cá nhân”. Ông không thấy rằng làm như thế là làm cho cá nhân đó trở thành vĩ đại bằng cách gán cho hắn một sức mạnh chủ động cá nhân chưa từng thấy trong lịch sử, chứ không phải làm cho cá nhân đó nhỏ nhen đi. Còn Prudông, theo Mác, thì lại cố gắng trình bày cuộc chính biến như là “Kết quả của một sự phát triển lịch sử trước đó”. Nhưng dưới ngọn bút của ông, lịch sử cuộc chính biến lại biến thành “sự ca tụng nhân vật chính của cuộc chính biến”. Như thế là ông rơi vào sai lầm của các nhà sử học mệnh danh là “khách quan”. Khác với Vichto

Huygô và Prudông, Mác vạch cho chúng ta thấy “đấu tranh giai cấp ở Pháp đã tạo ra như thế nào những điều kiện và hoàn cảnh khiến cho một nhân vật tầm thường và lỗi bịch lại đóng vai anh hùng”(5). Cái mà Victor Huygô cũng như Prudông ra sức tô vẽ, dù cố ý hay vô tình, là quan niệm anh hùng tạo thời thế. Còn Mác trái lại, bằng quan điểm duy vật lịch sử, đã làm rõ trong trường hợp này, chính thời thế tạo “anh hùng”.

Cũng một kiểu tiếp cận vấn đề như Mác - đặt đối tượng nghiên cứu vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nó để tìm hiểu, phân tích, đánh giá - Ăng-ghe-nh đã đi tới những kết luận rất hay và cô nhiên không giống với nhiều người khi nhận định về hạn chế của Séc-nê-sê-p-ski (Tchernychevski, 1828 - 1889), nhà dân chủ cách mạng Nga. Trong phần phụ lục cho bài *Về tính chất xã hội ở Nga*, Ăng-ghe-nh viết: “Séc-nê-sê-p-ski, vì những điều luận cấm sách báo nhập nội ở biên giới Nga, nên chưa bao giờ được biết những tác phẩm của Mác, vì khi bộ *Tư bản* xuất bản, thì ông đã bị đày từ lâu ở Viluixơ, vùng dân Yacuto (...). Những cái mà chế độ kiểm duyệt Nga không để cho nhập nội, thì ở Nga, người ta biết rất ít, hay không biết tí gì cả. Vậy, nếu người ta thấy ở ông có một vài nhược điểm, một vài quan điểm hẹp hòi, thì chỉ nên lấy làm lạ là tại sao ông không có nhiều hơn thế nữa”(6).

Ngoài phương pháp lịch sử, chủ nghĩa Mác còn đặc biệt

vận dụng phương pháp phân tích giai cấp khi đánh giá các hiện tượng xã hội cũ, mà trường hợp Ăng-ghe-nh nhận xét về Goto (Goethe, 1749 - 1832) sau đây có thể xem như là một thí dụ điển hình. Goto, theo Ăng-ghe-nh, là một con người “khi thì to lớn phi thường; khi thì bé như trẻ con”; “khi thì là một bậc kỳ tài kiêu hãnh, ngạo nghễ, khinh miệt thế giới; khi thì là một kẻ philitanh tảo mạn, tự mãn, hẹp hòi”. Trong con người Goto có một cuộc đấu tranh liên tục giữa nhà thơ thiên tài chán ghét sự cùng khổ của những người chung quanh mình, với người con trai chu đáo của ông nghị tỉnh Phờ-răng-pho, đang tự thấy bắt buộc phải “kết dính chiến với sự cùng khổ và phải chịu cho quan sự cùng khổ đó”. Cuộc đấu tranh nội tâm này rốt cục đã đẩy Goto đi đâu? Ăng-ghe-nh viết: “Goto là một người học rộng biết nhiều quá, có một bản chất linh lợi quá, nhiều tham vọng quá, nên không thể tìm lối thoát của sự khôn cùng bằng cách chạy theo lý tưởng của Căng (Kant, 1724 - 1804) như Sinle (Schiller, 1759 - 1805) đã làm; ông sáng suốt quá nên không thể không thấy rằng chạy trốn như vậy chung quy lại chỉ là đổi cái cùng khổ của tư tiện lấy cái cùng khổ của khoa trương. Tính khí ông, sức lực ông, toàn bộ chiều hướng của trí óc ông đều định sẵn cho ông một cuộc sống thực tế, nhưng cuộc sống thực tế mà ông thấy trước mắt ông lại là một cuộc sống cùng khổ. Goto luôn luôn vướng phải tình trạng lưỡng nan ấy: sống trong một thế giới mà ông chỉ có khinh miệt thôi, tuy thế mặc dầu, ông lại bị ràng

buộc vào thế giới đó là cái thế giới duy nhất trong đời mà ông có thể phát huy hoạt động của mình; và khi ông càng trở về giả, thì con người thi sĩ phi thường, de guerre lasse(7) lại càng lu mờ sau con người Tể tướng tiểu mọn của triều Weimar(8). Nghĩa là cuối cùng, bản chất giai cấp của Goto đã thắng. “Goto cũng như Hê-ghe (Hégel, 1770 - 1831), mỗi người trong lĩnh vực của mình, đều là những tượng Jupite (Jupiters) trên núi Olimpo (Olimpiens), song cả hai đều không bao giờ hoàn toàn trút bỏ được tính chất philitanh Đức”(9).

Cách phân tích và đánh giá trên đây của Ăng-ghe không giống chút nào với cách phân tích và đánh giá của Gờ - run về Goto. “Gờ-run tán tưng tất cả những ý kiến pilitanh của Goto, hẳn ta thấy đó là những ý kiến của con người, hẳn biến Goto từ người dân tỉnh Phờ - răngpho và người quan lại, thành “con người chân chính”, còn thì hẳn lại bỏ qua hay bôi nhọ ngay cả những cái gì là vĩ đại, là kỳ tài ở Goto”(10).

Đôi khi những đánh giá khác nhau về cùng một sự kiện, một tác phẩm, một tác giả quá khứ nào đấy lại là do sự phân tích tình hình chính trị không giống nhau.

Xuất phát từ tư tưởng duy tâm Jôre (Jaurès) ca ngợi Tônxtôi (L.Tolstôi, 1828 - 1910) là một nhà thần bí, có thể giúp ta “tìm lại cái ý nghĩa của tính giản dị, của tình anh em, của đời sống sâu xa và bí ẩn”(11). Plêkhanốp

(Plékhanov, 1856 - 1918)) vốn dĩ không tin ở khả năng cách mạng của nông dân, cho rằng Tônxtôi là người thay mặt giai cấp quý tộc phong kiến bị những tiến bộ của chủ nghĩa tư bản làm phá sản(12). Còn Lê nin, người thừa kế và phát triển chân chính chủ nghĩa Mác, thì lại thấy Cách mạng Nga 1905 - 1907 không gì khác hơn là một cuộc “Cách mạng tư sản nông dân”, và những tác phẩm của Tônxtôi đã phản ánh tâm lý mâu thuẫn của người nông dân Nga trong cuộc cách mạng đó. Lê-nin viết: “Mới thoát nhìn, có thể dường như là lạ kỳ và gán ghép nếu đem gắn liền tên tuổi của nhà nghệ sĩ vĩ đại với cuộc cách mà rõ ràng ông ta đã không hiểu được gì cả và cũng rõ ràng ông ta đã xa lánh đi. Dĩ nhiên nếu một vật rõ ràng không phản ánh được trung thực một hiện tượng, thì làm thế nào mà gọi nó là tấm gương của hiện tượng đó được. Nhưng cuộc cách mạng của chúng ta là một hiện tượng cực kỳ phức tạp; trong đám đông những người thực hiện và trực tiếp tham gia cách mạng có nhiều phần tử xã hội chính trị, họ hiển nhiên không hiểu được những việc đã xảy ra và cũng rời bỏ những nhiệm vụ lịch sử thực sự mà quá trình các sự biến đã đề ra cho họ. Và nếu nhà nghệ sĩ của chúng ta là vĩ đại thật, thì người đó phải phản ánh được trong tác phẩm của mình ít ra là vài ba khía cạnh chủ yếu của cuộc cách mạng (...). Tônxtôi vĩ đại là ở chỗ ông đã nói lên được những tư tưởng và những tâm trạng đã được hình thành trong hàng triệu nông dân. Nga khi bắt đầu cuộc cách

mạng tư sản Nga. Tôi tôi đọc đáo, vì toàn bộ tư tưởng của ông nhìn chung đã diễn đạt đúng những đặc điểm của cuộc cách mạng của chúng ta về phương diện là một cuộc cách mạng tư sản nông dân. Đúng về quan điểm đó mà xét thì sự phản chiếu những điều kiện mâu thuẫn trong đó đã diễn ra sự hoạt động lịch sử của nông dân trong quá trình của cuộc cách mạng của chúng ta”(13).

3) Nhận định, đánh giá di sản là cốt để khai thác. Khai thác thế nào cho đúng, cho tốt, cũng là một vấn đề Mác hằng quan tâm.

Việc du nhập văn hóa Pháp vào nước Đức, theo Mác, là một thí dụ điển hình về tình trạng thừa kế, khai thác không đúng nơi đúng lúc.

Văn học “xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa” của nước Pháp, nói như Mác, “sinh ra dưới áp lực của một giai cấp tư sản thống trị, là biểu hiện văn chương của sự phản kháng chống lại nền thống trị ấy, nó được đưa vào nước Đức giữa lúc giai cấp tư sản đang bắt đầu đấu tranh chống chế độ chuyên chế phong kiến. Các nhà triết học, các nhà triết học nửa mùa và những kẻ tài hoa ở Đức hăm hở đổ xô vào thứ văn học ấy, nhưng có điều họ quên rằng: văn học Pháp nhập khẩu vào nước Đức, nhưng những điều kiện sinh hoạt của nước Pháp lại không đồng thời đưa vào nước Đức. Đối với những điều kiện sinh hoạt Đức, văn học Pháp ấy đã mất hết ý nghĩa thực tiễn trực tiếp và chỉ còn